

Số: **7**/BC-THCS VTS

TP. Hải Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Võ Thị Sáu
- 2. Địa chỉ:** Số 02 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Thanh Nghị thành phố Hải Dương
- 3. Loại hình:** Công lập
- 4. Sứ mạng, tầm nhìn:**
 - * Sứ mệnh:**

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, dân chủ và kỉ cương; học sinh được phát huy được phát huy tối đa khả năng, phát triển toàn diện.

*** Các giá trị cơ bản để thực hiện sứ mệnh:**

Xây dựng và khẳng định niềm tin đối với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương bằng hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

- Tinh thần trách nhiệm;
- Tinh thần hợp tác, chia sẻ;
- Tinh thần đoàn kết;
- Tính trung thực và sáng tạo;
- Lòng tự trọng và nhân ái;
- Tinh thần cầu tiến và khát vọng vươn lên.

*** Tầm nhìn:**

Đến năm 2028, trường THCS Võ Thị Sáu tiếp tục công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 3 và Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3. Năm học 2025 – 2026 khẳng định là trường phát triển theo hướng hiện đại.

Đến năm 2030, trường THCS Võ Thị Sáu là trường có quy mô phát triển hiện đại, có chất lượng giáo dục toàn diện được khẳng định trong top đầu của thành phố Hải Phòng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Võ Thị Sáu thành lập năm 1927 địa chỉ đường Đại lộ Hồ Chí Minh.

Tháng 7 năm 2007 được thành phố xây dựng ngôi trường mới và chuyển địa điểm ra vị trí hiện nay với nhiệm vụ làm công tác giáo dục học sinh các khối lớp 6, 7, 8, 9 trong địa bàn phường Trần Phú và các khu lân cận, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi tạo nguồn cho trường THPT chuyên Nguyễn Trãi.

Trường được công nhận trường tiếp tục đạt chuẩn Quốc gia năm 2013. Năm học 2014 - 2015 kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua tỉnh Hải Dương năm học 2015 - 2016". Năm học 2016 - 2017 trường được UBND thành phố Hải Dương trao Quyết định công nhận trường trọng điểm chất lượng cao. Năm học 2017-2018 trường được UBND tỉnh tặng "Cờ thi đua" đơn vị xuất sắc ngành Giáo dục & Đào tạo. Năm 2018 trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trường THCS Võ Thị Sáu có 71 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn: 100%, trong đó có 09 GV có trình độ thạc sĩ. Cơ cấu bộ môn đầy đủ, đội ngũ giáo viên có chuyên môn vững vàng, nhiệt tình tâm huyết, đạo đức nhà giáo mẫu mực, được học sinh kính trọng và cha mẹ học sinh tín nhiệm cao.

Năm học 2024 – 2025:

+ Thi HSG TP các môn văn hóa lớp 9 có 37 hs được công nhận HSG cấp TP trong đó có 2 giải Nhì; 9 giải Ba; 26 giải KK và 01 HS đạt HSG tỉnh môn Tin học.

+ 06 hs dự thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 54, kết quả 02 em đạt giải: em Nguyễn Ngọc Hà 6K đạt giải KK; em Bùi Hà Thanh 8G đạt giải Khơi nguồn ý tưởng.

+ Thi Olympic chuyên NT: em Ngô Quán Đức 9G đạt giải Nhất môn Toán; Phạm Nguyễn Ngọc Hà, Vũ Quỳnh Chi 9I giải Ba môn tiếng Anh.

+ Thi Cờ vua cấp tỉnh đạt 1 giải Nhất, 02 giải Nhì, 1 giải Ba.

+ Thi Điền kinh cấp tỉnh đạt 2 giải Ba

+ Tổng số có 165 HS tham gia cuộc thi giao lưu Toán học Hoa kỳ AMC8 và có 05 học sinh được vinh danh: Em Bùi Hạnh Nguyên 8K – đạt giải KK dành cho thí sinh đạt điểm trong top 6%-10% của kỳ thi, Giải Vàng cho thí sinh đạt điểm cao nhất trường; *Em Bùi Trung Nghĩa 7B đạt giải KK dành cho thí sinh đạt điểm trong top 6%-10% của kỳ thi và giải Bạc dành cho thí sinh điểm cao nhì trường*; Em Nguyễn Quang Vinh 6H được BTC tặng GCN dành cho thí sinh nhỏ tuổi đạt thành tích cao, đạt giải KK dành cho thí sinh đạt điểm trong top 6%-10% của kỳ thi đồng thời đạt giải Đồng dành cho thí sinh điểm cao thứ ba trường; *Em Nguyễn Việt Hoàng 6H; Nguyễn Bảo Huy 6K đều được BTC tặng giấy chứng nhận dành cho thí sinh nhỏ tuổi đạt thành tích cao.*

+ Có 301 hs các khối dự thi vòng sơ loại cuộc thi Đấu trường Toán học – Vioedu (đồng nhất TP) do SGD&ĐT tổ chức, có 37 em được dự thi vòng Chung kết cấp tỉnh và 22 em đạt giải gồm 01 giải Vàng; 03 giải Bạc, 05 giải Đồng; 13 giải KK (2 em hs lớp 6K đạt điểm tuyệt đối 30 điểm).

+ Có 188 hs các khối dự kỳ thi IOE (tiếng anh trên mạng internet) cấp trường. 170 em tiếp tục dự kỳ thi IOE cấp TP ; 151 hs đủ đk dự thi cấp tỉnh; 23 hs dự thi cấp QG đạt 01 giải Đồng (lớp 8I) và 3 giải KK (lớp 9G).

+ 01 hs đạt giải Đồng cuộc thi giao lưu Toán học Timo

*Điểm trung bình thi vào lớp 10 năm học 2025-2026 là 22,17 đ xếp thứ 2 toàn thành phố Hải Dương.

**Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen trong công tác TDTT, 01 GV được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh và Giấy khen của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo trong công tác bồi dưỡng HS đạt thành tích cao; 01 HS được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh do có thành tích đạt 2 HCV và 1 HCB quốc gia môn Cờ vua trong HKPD toàn Quốc năm 2024.*

6. Thông tin người đại diện:

- Họ tên: Phạm Thanh Nga

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 02 phố Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Hải Dương

- Số điện thoại: 0949839293

- Email: hd-thcsvothisau@haiduong.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

Tổng số CBGVNV: 71, trong đó:

1. Đội ngũ nhà giáo: 65
2. Cán bộ quản lý: 03
3. Nhân viên: 03 (Thư viện, Văn thư, Kế toán)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số có 71 cán bộ; giáo viên; nhân viên.

- Toán: 15 (Toán – tin: 2; Toán – Hóa: 01)
- KHTN: 12 (Vật lý: 3; Hóa: 4; Sinh: 2; Hóa – Sinh: 3)
- Tin: 2
- Công nghệ: 2
- Ngữ văn: 13
- Lịch sử: 4; Địa lí: 2
- GD CD: 2
- Âm nhạc: 2; Mĩ thuật: 2
- GD TC: 4
- Tiếng Anh: 8

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 71/71 = 100%; trong đó có 09 Thạc sĩ

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 71, đạt 100%

2. Thông tin cơ sở vật chất

a. Số lượng, diện tích phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, phòng CMNV

- Phòng học: 37. Diện tích: 60 m²/phòng.
- Phòng bộ môn: 08.
- Nhà đa năng: 01
- Phòng tổ chuyên môn: 03. Diện tích: 45 m²/phòng.
- Phòng BGH: 03
- Phòng Công đoàn: 01

b. Số lượng thiết bị dạy học hiện có có theo danh mục TBDH tối thiểu cấp THCS: 03 bộ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt và không đạt, tổng số: 05 tiêu chuẩn có 28 tiêu chí

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 1: $28/28 = 100\%$

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 2: $28/28 = 100\%$

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 3: $20/20 = 100\%$

Căn cứ kết quả tự đánh giá đã nêu trên, đối chiếu với quy định kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, trường THCS Võ Thị Sáu nhận thấy: Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá trong 05 năm tiếp theo và hàng năm

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 qua các giai đoạn giai đoạn 2017 – 2022, giai đoạn 2023 – 2028 theo quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm học 2023 – 2024 trường được công nhận đạt KĐCLGD mức độ 2 theo Quyết định số 1025/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương.

• Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, đảm bảo nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đổi mới.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Đổi mới hình thức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

Tăng cường dạy TANN; Dạy toán song ngữ.

Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục STEM.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, kết hợp giữa đánh giá định kỳ và đánh giá thường xuyên.

Ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá, xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

Đẩy mạnh sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

Tăng cường dạy học trực tuyến, kết hợp giữa hình thức học truyền thống và học qua nền tảng số. Tăng cường ứng dụng AI vào giảng dạy.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề về giáo dục đạo đức, kỹ năng sống.

Đẩy mạnh giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

Tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, giúp các em có định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tư vấn, đào tạo kỹ năng nghề.

Huy động các nguồn lực từ cộng đồng để cải thiện cơ sở vật chất trường học.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nâng cao năng lực giảng dạy.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh và xã hội để nâng cao hiệu quả giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Tổng số học sinh từng khối

- Khối 6: 390

- Khối 7: 478

- Khối 8: 412; - Khối 9: 361

Tổng toàn trường: 1642.

Kết quả tuyển sinh: Chỉ tiêu giao: 360; Kết quả: 389.

3. Số HS bình quân theo lớp: 45,6

4. Số HS khuyết tật: 27

5. Số HS chuyển đi: 31

6. Số HS chuyển đến: 73

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. dự toán Ngân sách năm 2024 theo QĐ 5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Hải Dương và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ Thông báo số 175/TB-TCKH ngày 15 tháng 06 năm 2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố Hải Dương về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI THƯỜNG KHÔNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		
DỰ TOÁN GIAO (2)	11.501.638.000	
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3):	35.770.000	840.242.232
DỰ TOÁN GIẢM TK 5% (4):	10.772.500	
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	11.526.635.000	840.242.232
DỰ TOÁN CHI	11.526.635.500	
1. Tiền lương	6.187.319.490	3.463.200
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6.500.000	
3. Phụ cấp lương	3.165.064.814	415.700.454
4. Các khoản đóng góp	1.751.342.270	1.006.289
5. Tiền thưởng		8.500.000
6. Thanh toán dịch vụ công cộng	1.200.000	
9. Vật tư văn phòng	37.471.230	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.091.685	

11. Hội nghị		
12. Công tác phí	13.200.000	
13. Chi phí thuê mướn	165.781.000	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	39.932.600	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	121.833.089	
16. Chi khác	35.899.322	
17. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh		107.748.000
18. Chi thanh toán cho cá nhân		261.771.789
19. Cấp bù học phí		42.052.500
20. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	
CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	
KINH PHÍ HUỖ	0	

b) Các khoản thu năm 2024

STT	Các khoản thu	Dư năm trước	Thu	Chi	Số dư	Ghi chú
1	Học phí	2.021.325.246	2.269.226.000	2.979.109.313	1.311.441.933	

2	Trông xe đạp	120.000	95.200.000	95.320.000	0	
3	Học thêm	151.128.479	4.128.999.126	4.227.974.687	52.152.918	
4	CSSKBD	73.619.084	91.780.808	83.773.534	81.626.358	
5	Tiếng Anh NN (100%)	22.782.338	62.374.272	85.142.338	14.272	
6	KNS	3.594.144		3.594.144	0	
7	Sổ LLĐT		144.950.000	144.950.000	0	
8	CLB	1.412.523	69.583.400	70.995.563	360	
9	Lao công	438.500	269.910.000	270.348.500		
10	Nước uống		148.430.269	148.430.269	0	
11	Tiền điện dùng điều hòa		96.725.440	96.725.440	0	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	11	3.517.500	
	Học kỳ 1 năm học 2024-2025	43	16.170.000	
	Học kỳ 2 năm học 2024-2025	41	19.425.000	

2	Đối tượng được hưởng hỗ trợ CPHT			
	Học kỳ 1 năm học 2024-2025	29	16.650.000	
	Học kỳ 2 năm học 2024-2025	28	21.000.000	
3	Đối tượng được hưởng học bổng, phương tiện đồ dùng			
	Học kỳ 1 năm học 2024-2025	4	31.728.000	
	Học kỳ 2 năm học 2024-2025	4	39.105.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	945.000	

2	Lao công	Kì I: 18.000đ/hs / tháng Kì II: 20.000đ/hs/ tháng	Kì I: 72.000 Kì II: 100.000	
3	Nước uống	đồng/học sinh/ năm học	63.000	
4	Xe đạp	đồng/học sinh/ năm học	90.000	
5	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/ năm học	90.000	
6	Học thêm	đồng/học sinh/tiết học	7.000 10.000	T9/24-T12/24 T1/25-T2/25
7	Câu lạc bộ	đồng/học sinh/tiết học	8.000	
8	TANN	đồng/học sinh/tiết học	40.000	
9	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm	884.520	
10	Điện sử dụng điều hòa	Căn cứ vào chỉ số công tơ để tính tiền điện phải nộp theo đơn giá trên hóa đơn . Thu theo năm học		

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	

II	Số dư tiền gửi kho bạc khác	Đồng	4.358.625	
III	Số dư tiền gửi kho bạc học phí	Đồng	1.314.635.613	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	74	
II	Thuế TNCN phải nộp	Đồng	69.764.836	

6. Nguồn ngân sách 2025:

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI THƯỜNG KHÔNG XUYỀN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		
DỰ TOÁN GIAO (2)	14.755.127.000	3.000.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3):	754.114.000	2.758.392.196
DỰ TOÁN GIẢM TK 5% (4):	12.000.000	
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	15.497.241.000	5.758.392.196
DỰ TOÁN CHI	7.747.730.462	471.033.196

DỰ TOÁN CÒN LẠI	7.749.510.538	5.287.359.000
CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	
KINH PHÍ HUỖ	0	

7. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

ST T	NỘI DUNG	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG KỲ				KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN TRONG KỲ (ĐẾN 25/6/2025)				KINH PHÍ CHƯA SỬ DỤNG CHUYỂN KỲ SAU
		DỰ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	THU TRONG KỲ	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG	CHI HOẠT ĐỘNG	NỘP THUẾ GTGT	NỘP THUẾ TNDN	CỘNG		
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9	10	
I	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ	1.363.594.851	1.607.302.500	2.970.897.351	1.737.431.099	2.655.000	15.508.860	1.755.594.959	1.215.302.392	
1	Học phí	1.311.441.933	861.862.500	2.173.304.433	995.862.559			995.862.559	1.177.441.874	
2	Trồng xe đạp		53.100.000	53.100.000	47.000.000	2.655.000	2.655.000	52.310.000	790.000	
3	Học thêm	52.152.918	692.340.000	744.492.918	694.568.540		12.853.860	707.422.400	37.070.518	
II	CÁC KHOẢN THU DV KHÁC	0.630	411.331.091	492.971.721	321.867.365	0		321.867.365	171.104.356	
1	CSSKB Đ	81.626.358	89.399.700	171.026.058	1.798.420			1.798.420	169.227.638	
2	Tiếng Anh NN (100%)	14.272	125.320.000	125.334.272	125.320.000			125.320.000	14.272	
3	KNS (100%)		60.792.000	60.792.000	60.792.000			60.792.000		
4	Số LLĐT		80.000.000	80.000.000	80.000.000			80.000.000		

	(100%)							
5	BHYT trích lại trường	28.827.391	28.827.391	28.827.391			28.827.391	
6	CLB	26.992.000	26.992.000	25.129.554			25.129.554	1.862.446
III	CÁC KHOẢN THU HỘ	1.178.455.736	279.825.406	242.962.141	0	0	242.962.141	36.863.265
1	Lao công	160.000.000	160.000.000	159.930.000			159.930.000	70.000
2	Nước uống	56.000.000	56.000.000	56.000.000			56.000.000	
3	Điện điều hòa	63.825.406	63.825.406	27.032.141			27.032.141	36.793.265

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: Nhà trường tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, giúp linh hoạt hơn trong việc tổ chức giảng dạy. Việc phân cấp quản lý giáo dục đã được thực hiện, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động trong việc sử dụng giáo viên, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với thực tiễn.

2. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục:

Nhà trường triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, bao gồm sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, áp dụng phần mềm quản lý giáo dục, giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và theo dõi kết quả học tập của học sinh.

3. Công tác quản lý dạy thêm, học thêm; quản lý và sử dụng sách tham khảo; công tác quản lý hoạt động dạy học.

Nhà trường thực hiện đúng các quy định về dạy thêm, học thêm nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục.

Việc sử dụng sách tham khảo trong các trường học được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục.

4. Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục, tiếp nhận các nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường: Nhà trường huy động được sự đóng góp từ cộng đồng để cải thiện cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GDĐT; quản lý các khoản tài trợ theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018: Nhà trường thực hiện công khai thông tin theo quy định, đảm bảo minh bạch trong quản lý tài chính và chất lượng giáo dục.

6. Kết quả triển khai xây dựng các mô hình trường học theo hướng dẫn tại Công văn số 1852/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 11/10/2023 về việc triển khai một số mô hình trường học cấp THCS và THPT năm học 2023-2024 và công văn số 2369/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 31/10/2024 về việc rà soát kế hoạch xây dựng các mô hình trường học năm học 2024-2025:

*** Mô hình trường học:** Nhà trường triển khai xây dựng và thực hiện đồng thời 3 mô hình:

+ Mô hình “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng”: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sổ sách điện tử - Xây dựng Ngân hàng ngữ liệu môn Ngữ văn trong kho Học liệu số. Việc xây dựng mô hình trường học được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch, đạt kết quả cao đã làm thay đổi phong cách làm việc của cán bộ giáo viên nhân viên, đem lại nhiều tiện ích cho quá trình tích lũy tri thức, kinh nghiệm giảng dạy, giáo viên có nhiều thời gian dành cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dạy học.

+ Mô hình “Trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Thân thiện”: Nhà trường phát động Tết trồng cây, tận dụng sức mạnh tổng hợp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để trồng cây xanh, hoa để tạo bóng mát và làm đẹp khuôn viên trường. Cung cấp đầy đủ thùng rác, nhà vệ sinh sạch sẽ, nước sạch và xà phòng để học sinh rửa tay. Thường xuyên quét dọn và vệ sinh trường lớp. Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, phát huy tính chủ động, sáng tạo và hợp tác. Tổ chức các hoạt động thi đua và phong trào để học sinh cảm thấy mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

+ Mô hình “Trường học điển hình về dạy Ngoại ngữ”: là một cách hiệu quả để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ngoại ngữ trong nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm Anh ngữ HOPE Edu để thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp với từng cấp học, bao gồm các hoạt động học tập phong phú như thảo luận nhóm, thuyết trình, và các dự án thực tế, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên để nâng cao năng lực giảng dạy ngoại ngữ. Khuyến khích giáo viên sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại và công nghệ thông tin trong lớp học. Xây dựng các câu lạc bộ ngoại ngữ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa như giao lưu văn hóa, thi hùng biện, và các cuộc thi viết luận bằng ngoại ngữ. Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy như sử dụng phần mềm học ngoại ngữ, các ứng dụng di động, và các trang web học tập trực tuyến.

Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả của mô hình và điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của học sinh.

7. Công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh: tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục và hỗ trợ học sinh, 1 năm tổ chức 3 cuộc họp (đầu năm học, cuối kì 1, cuối năm học) giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường và gia đình.

8. Công tác thông tin, tuyên truyền: Trang website và fanpage của trường hoạt động đều, nhiều bài chất lượng, góp phần quan trọng trong việc phổ biến thông tin giáo dục, quảng bá hình ảnh nhà trường.

9. Đánh giá

- **Ưu điểm:** Tăng cường tự chủ giúp các trường linh hoạt hơn trong quản lý giáo dục.

Ứng dụng công nghệ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và quản lý. Xã hội hóa giáo dục giúp huy động nguồn lực từ cộng đồng. Công khai minh bạch giúp đảm bảo sự giám sát của xã hội.

- **Hạn chế:** Thiếu thiết bị đồ dùng dạy học, gây khó khăn cho giáo viên trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới.

- **Nguyên nhân:** Thiếu nguồn lực tài chính, ảnh hưởng đến việc mở rộng các chương trình giáo dục.

V. Công tác tham mưu, quản lý, hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã.

1. Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động đối với nhiệm vụ GDTX; tham mưu với UBND cấp huyện về chỉ đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ (có minh chứng về các văn bản: số văn bản; văn bản tham mưu, chỉ đạo; thời gian ban hành; (nêu rõ những giải pháp mang tính chủ động, sáng tạo của đơn vị, phù hợp với điều kiện địa phương).

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục thường xuyên được đẩy mạnh, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (GDTX) theo Công văn 3933/BGDĐT-GDTX năm 2024, tập trung vào việc xây dựng xã hội học tập.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ hoạt động giáo dục cộng đồng.

- Tổ chức các hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức về giáo dục thường xuyên.

2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên của các TTHTCĐ; công tác xây dựng thí điểm TTHTCĐ điển hình

- Cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng do ngành giáo dục tổ chức và thường xuyên tự bồi dưỡng, học tập nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và quản lý.

- Các chương trình tập huấn tập trung vào: Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy. Phương pháp giáo dục tích cực giúp nâng cao hiệu quả học tập của học sinh và cộng đồng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH NGÀ**